TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2025/DS-PT
Ngày 19-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Pho - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2025/TLPT-DS ngày 04/11/2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán và bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 591/2025/QĐ-PT ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M

Địa chỉ trụ sở: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị D - Chức vụ: Giám đốc.

2. Bị đơn: Sở Giao thông vận tải tỉnh V

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Sở Xây dựng tỉnh V

Địa chỉ: Số H, Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn P - Chức vụ: Giám đốc.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành

viên M và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2024, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (gọi tắt C ty/Nhà thầu) ký Hợp đồng số 23/2024/HĐMB với Sở Giao thông vận tải tỉnh V (nay là Sở Xây dựng tỉnh V) - Chủ đầu tư gói thầu mua sắm vật liệu in giấy phép lái xe bằng vật liệu PET giá trị hợp đồng là 591.148.000 (Năm trăm chín mươi mốt triệu một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Hàng hóa bên nhà thầu cung cấp là 45 cuộn Ribbon mực, 67 cuộn phim trung gian, thời gian giao hàng cho Sở Giao thông vận tải tỉnh V là 30 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Theo thỏa thuận, ngày 30/7/2024 Công ty đã bàn giao hàng đợt 1 gồm: 01 cuộn Ribbon mực, 03 cuộn phim trung gian cho Sở Giao thông vận tải tỉnh V. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp tục triển khai thực hiện Hợp đồng số 23 ngày 05/7/2024 để có thể tiến hành bàn giao 44 cuộn Ribbon mực và 67 cuộn phim trung gian còn lại, Công ty đã gặp một số khó khăn về hải quan và đơn vị nhập khẩu. Nhận thấy, tiến độ giao hàng sẽ bị ảnh hưởng, ngày 31/7/2024 Công ty đã gửi Văn bản số 453/CV-KN để xin Sở Giao thông vận tải tỉnh V xem xét chấp thuận cho Công ty G ngày kể từ ngày ra văn bản là ngày 31/7/2024 đến ngày 15/9/2024.

Ngày 05/8/2024, Sở Giao thông vận tải tỉnh V có Công văn số 1906/SGTVT về việc không chấp nhận gia hạn và yêu cầu Công ty K thực hiện, cung cấp đúng số lượng theo hợp đồng đã ký kết, nếu không sẽ tiến hành xử lý hợp đồng theo quy định của Luật Dân sự và Luật Thương mại.

Ngày 06/8/2024, Công ty có Văn bản số 475/2024/VC-KN gửi Sở Giao thông vận tải tỉnh V để xác định rõ đây là trường hợp chấm dứt hợp đồng do sự kiện bất khả kháng và xin miễn trách nhiệm theo quy định Luật Dân sự và Luật Thương mại.

Ngày 16/8/2024, Công ty có Công văn số 502/2024/VC-KN gửi đến Sở Giao thông vận tải tỉnh V để thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng số 23 do Sở Giao thông vận tải tỉnh V vi phạm về hoàn trả bảo lãnh dự thầu: Theo Chương I Điều 18, Mục 18.4 Chỉ dẫn nhà thầu trong hồ sơ mời thầu, khoản 8 Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2023 và Điều 8 Hợp đồng số 23, việc hoàn trả bảo lãnh dự thầu là một phần không thể tách rời trong quá trình hoàn thiện hợp đồng. Sở Giao thông vận tải tỉnh V đã hoàn trả dự thầu chậm trễ, không đúng quy định pháp luật về thời gian hoàn trả bảo lãnh dự thầu.

Ngày 22/8/2024, Sở Giao thông vận tải tỉnh V có Công văn số 2106/SGTVT về việc phúc đáp Công văn số 502/2024/CV-KN ngày 16/8/2024 của Công ty về vấn đề hoàn trả bảo lãnh dự thầu và việc yêu cầu bồi thường những chi phí phát sinh khác. Sở Giao thông vận tải tỉnh V chỉ đồng ý hoàn trả số tiền bảo lãnh dự thầu là 8.000.000 đồng và không chấp nhận bồi thường chi phí khác vì phía Công ty vi phạm hợp đồng trước.

Ngày 23/8/2024, Công ty có Công văn số 525/2024/CV-KN gửi đến Sở Giao thông vận tải tỉnh V, Công ty đã nhận được số tiền 8.000.000 đồng bảo lãnh dự thầu nhưng việc không bồi thường những chi phí khác liên quan đến việc ký hợp đồng là không thỏa đáng. Công ty chưa nhận được các bản gốc các biên bản liên quan đến

việc ký, do đó hợp đồng giữa Công ty và Sở Giao thông vận tải tỉnh V là chưa có hiệu lực. Công ty yêu cầu bồi thường các khoản tiền: Tiền phạt chậm hoàn trả bảo lãnh dự thầu (8.000.000 đồng x 0,05% x 50 ngày = 200.000 đồng); Chi phí cấp chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng của ngân hàng T là 600.000 đồng; Chi phí đối chiếu, thương thảo, xăng dầu ngày 17/5/2024 là 1.000.000 đồng; Chi phí vận chuyển, khấu hao tài sản, tài xế ăn uống: 200.000 đồng; Chi phí hàng mẫu 18.152.000 đồng. Tổng cộng là 20.152.000 đồng.

Ngày 26/8/2024, Sở Giao thông vận tải tỉnh V ra Quyết định số 508/2024/QĐ-SGTVT về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty và Sở Giao thông vận tải tỉnh V và đăng tải trên Cổng thông tin đấu thầu Quốc gia về việc Công ty của nguyên đơn mất khả năng giao hàng, vi phạm hợp đồng. Từ đó, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty bị đánh rớt 02 gói thầu mua sắm trang thiết bị dùng chung, phục vụ Hội nghị tại phòng họp trực tuyến của Hội trường Ngọc L với chủ đầu tư là Văn phòng UBND tỉnh K, giá dự thầu là 123.899.000 đồng và mua sắm lắp đặt hệ thống trực tuyến phòng họp Ban với chủ đầu tư Huyện ủy L1 dự thầu là 145.555.000 đồng. Tổng thiệt hại là 269.454.000 đồng.

Nhận thấy, Sở Giao thông vận tải tỉnh V đã vi phạm các điều khoản mà các bên đã ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi Công ty nên Công ty TNHH MTV M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Sở Giao thông vận tải tỉnh V (nay Sở Xây dựng tỉnh V) phải đính chính thông tin trên báo đấu thầu và trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB với Công ty do khách quan, không liên quan đến năng lực của nhà thầu.

Buộc Sở Giao thông vận tải tỉnh V (nay Sở Xây dựng tỉnh V) hoàn trả lại những chi phí bồi thường liên quan đến hợp đồng là 20.152.000 đồng và chi phí thiệt hại bị đánh rớt 02 gói thầu do Quyết định chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty với Sở Giao thông vận tải tỉnh V là gói thầu mua sắm trang thiết bị dùng chung, phục vụ Hội nghị tại Phòng họp trực tuyến của Hội trường Ngọc L, giá dự thầu là 123.899.000 đồng và gói thầu mua sắm, lắp đặt hệ thống họp trực tuyến phòng họp Ban, giá dự thầu là 145.555.000 đồng. Tổng số tiền mà Sở Giao thông vận tải tỉnh V phải trả cho Công ty TNHH MTV M là 289.596.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Sở Giao thông vận tải tỉnh V (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Sở Xây dựng tỉnh V) trình bày:

Sở Giao thông vận tải tỉnh V (nay Sở Xây dựng tỉnh V) có ký kết hợp đồng mua bán với nguyên đơn như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Sở Giao thông vận tải tỉnh V có ý kiến như sau:

Theo quy định trong hợp đồng và hồ sơ dự thầu đối với Công ty G1 mua sắm hàng hóa số 03: Mua sắm nguyên vật liệu phục vụ cho in giấy phép lái xe với giá trị hợp đồng là 591.148.000 đồng. Công ty cam kết bàn giao đủ hàng cho Sở Giao thông vận tải tỉnh V trong thời gian 30 ngày nhưng thực tế Công ty chỉ hoàn thành bàn giao đợt 1 ngày 30/7/2024 với số tiền 18.152.000 đồng. Khi đến hết hạn thực hiện

hợp đồng ngày 15/8/2024, Công ty không còn khả năng giao hàng nữa và Công ty đơn phương ra Văn bản số 502/2024/CV-KN ngày 16/8/2024 để chấm dứt hợp đồng. Việc Công ty đã có hàng và giao hàng đợt 1, Sở Giao thông vận tải tỉnh V cho rằng Công ty không còn khả năng giao hàng nữa không phải là do khách quan (vì đã giao hàng đợt 1), không đúng với cam kết trong nội dung dự thầu và không đúng với Văn bản số 273/2024/CV-KN ngày 10/6/2024 của Công ty là cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện cung cấp cho gói thầu mua sắm hàng hóa số 03.

Theo quy định tại khoản 23 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 về xử lý tình huống trong đấu thầu qua mạng và không qua mạng "*Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với nhà thầu đó; nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng*". Với quy định này, Sở Giao thông vận tải tỉnh V đã có Báo cáo số 452/BC-SGTVT ngày 20/8/2024 gửi đến Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận về việc chấm dứt hợp đồng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh V chấp thuận tại Văn bản số 5517/UBND-KTNV ngày 26/8/2024, Sở Giao thông vận tải tỉnh V ban hành Quyết định số 508/QĐ-SGTVT về việc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm, không còn năng lực cung cấp hàng hóa để tiếp tục thực hiện hợp đồng gói thầu mua sắm hàng hóa số 03, mua sắm nguyên vật liệu phục vụ in giấy phép lái xe. Sở Giao thông vận tải tỉnh V phải đăng quyết định này lên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 23 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Với quy định nêu trên, Sở Giao thông vận tải tỉnh V không thể làm trái quy định, không thể đính chính theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về việc buộc bị đơn phải hoàn trả các chi phí liên quan thì bị đơn có ý kiến như sau:

Chi phí nghiệm thu hàng đợt 1 là 18.152.000 đồng, Sở Giao thông vận tải tỉnh V đã chi trả xong cho nguyên đơn số tiền này vào ngày 07/8/2024.

Về yêu cầu tiền phạt chậm hoàn trả bảo lãnh dự thầu (8.000.000 đồng x 0,05% x 50 ngày = 200.000 đồng), căn cứ Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2023 theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu là đặt cọc hoặc nộp bảo lãnh thư của tổ chức tín dụng nhưng nguyên đơn đã chọn hình thức là chuyển khoản vào tài khoản tạm giữ của bị đơn với số tiền là 8.000.000 đồng. Vì vậy, khi nguyên đơn có văn bản đề nghị hoàn trả bảo lãnh dự thầu (trong đó ghi rõ số tài khoản, chủ tài khoản của công ty) thì bị đơn mới có đủ cơ sở để chuyển hoàn trả số tiền bảo lãnh dự thầu. Ngày 16/8/2024, nguyên đơn có Công văn số 502/2024/CV (ngày thứ Sáu) yêu cầu hoàn trả bảo lãnh dự thầu. Ngày 21/8/2024, bị đơn đã ký chuyển hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng cho nguyên đơn và ngày 22/8/2024 kho bạc ký hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn xong. Với thời gian hoàn trả nêu trên thì bị đơn không đồng ý yêu cầu tiền phạt là 200.000 đồng do chậm hoàn trả bảo lãnh dự thầu.

Đối với các chi phí khác như đối chiếu, thương thảo, xăng dầu vận chuyển đi lại ngày 17/6/2024 là 1.200.000 đồng thì đây là chi phí nhà thầu tự bỏ ra để đi lại nộp hồ sơ dự thầu (bản gốc) cho Công ty Cổ phần T1 để chấm thầu theo văn bản đề nghị số 03/CV-TVMT ngày 29/5/2024, được xác nhận giữa Công ty Cổ phần T1 và Công ty tại biên bản đối chiếu tài liệu ngày 03/6/2024, giấy mời và biên bản làm

việc không có bị đơn tham gia nên bị đơn không đồng ý bồi hoàn chi phí này.

Về chi phí cấp chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 600.000 đồng, thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng ngày 27/6/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 - Chi nhánh T3 phát hành theo đề nghị của Công ty nên bị đơn không đồng ý hoàn trả chi phí này.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại bị đánh rớt 02 gói thầu là 289.596.000 đồng theo quy định tại điểm 2 mục E-ĐCK22 phần 2 của điều kiện cụ thể của Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 về bồi thường thiệt hại là không áp dụng. Việc đăng tải Quyết định số 508/QĐ-SGTVT là thực hiện theo quy định tại khoản 23 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, việc bị đánh rớt 02 gói thầu không thuộc lỗi của Sở Giao thông vận tải tỉnh V.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 430, 584 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 34 và Điều 37 Luật Thương mại 2005; Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2023; Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV M đối với Sở Xây dựng tỉnh V về việc:

Buộc Sở Xây dựng tỉnh V (Sở Giao thông vận tải tỉnh V) phải đính chính thông tin trên B và trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia đối với Quyết định số 508/2024/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2024 về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty và Sở Giao thông vận tải tỉnh V.

Buộc Sở Xây dựng tỉnh V (Sở Giao thông vận tải tỉnh V) hoàn trả lại những chi phí bồi thường liên quan đến hợp đồng là 2.850.000 đồng.

Buộc Sở Xây dựng tỉnh V (Sở Giao thông vận tải tỉnh V) bồi thường thiệt hại bị đánh rớt 02 gói thầu do Quyết định số 508/2024/QĐ-SGTVT về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty và Sở Giao thông vận tải tỉnh V là 269.454.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc Sở Xây dựng tỉnh V (Sở Giao thông vận tải tỉnh V) phải trả số tiền 18.152.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2025, nguyên đơn Công ty TNHH MTV M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà Đinh Thị D trình bày: Với tư cách nhà thầu, nguyên đơn nhận thấy chủ đầu tư có nhiều sai phạm như không trả bảo lãnh dự thầu đúng hạn là thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư; nhà thầu cung cấp hàng hóa, chủ đầu tư yêu cầu xuất hóa đơn nhưng không trả nợ đúng hạn; chủ đầu tư không trả bản gốc hợp đồng cho nhà thầu... Đồng thời, việc đăng tải quyết định về việc chấm dứt hợp đồng trên Cổng thông tin đấu thầu quốc gia với nội dung nguyên đơn mất khả năng giao hàng, vi phạm hợp đồng gây thiệt hại nghiêm trọng đến uy tín và hoạt động kinh doanh của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị đơn Sở Xây dựng tỉnh V có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời có ý kiến thống nhất với kết quả xét xử sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của Công ty TNHH MTV M; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Sở Xây dựng tỉnh V có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ có nguyên đơn kháng cáo về việc không chấp nhận yêu cầu đính chính thông tin trên B và trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia đối với Quyết định 508/2024/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2024 về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty và Sở Giao thông vận tải tỉnh V và số tiền bồi thường thiệt hại do bị đánh rớt 02 gói thầu là 269.454.000 đồng. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại các nội dung này, đối với các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu đính chính thông tin Quyết định 508/2024/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2024:

[2.2.1] Về việc ký kết hợp đồng: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng mua bán số 23/2024/HĐMB ngày 05 tháng 7 năm 2024, nội dung cơ bản hợp đồng là gói thầu mua sắm vật liệu in giấy phép lái xe bằng vật liệu PET giá trị hợp đồng là 591.148.000 đồng. Hàng hóa bên nhà thầu (Công ty) cung cấp là 45 cuộn

Ribbon mực, 67 cuộn phim trung gian, thời gian giao hàng cho Sở giao thông vận tải tỉnh V là 30 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Theo Điều 8 của hợp đồng thì ngày có hiệu lực hợp đồng là ngày ký kết hợp đồng và Bên A (bị đơn) nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Ngày ký hợp đồng là ngày 05/7/2024 và Công ty đã gửi Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Sở Giao thông vận tải tỉnh V ngày 03/7/2024 nên Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký là ngày 05/7/2024. Do hợp đồng có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 30/7/2024, Công ty đã bàn giao hàng đợt 1 gồm 01 cuộn Ribbon mực, 03 cuộn phim trung gian cho Sở Giao thông vận tải tỉnh V. Ngày 31/7/2024, Công ty đã gửi Văn bản số 453/CV-KN để xin Sở Giao thông vận tải tỉnh V xem xét chấp thuận cho Công ty G thời gian thực hiện hợp đồng 45 ngày kể từ ngày 31/7/2024 đến ngày 15/9/2024 vì Công ty đã gặp một số khó khăn về hải quan và đơn vị nhập khẩu. Đến ngày 06/8/2024, Công ty có Văn bản số 475/2024/VC-KN gửi Sở Giao thông vận tải tỉnh V để xác định rõ đây là trường hợp chấm dứt hợp đồng do sự kiện bất khả kháng và xin miễn trách nhiệm theo quy định Luật Dân sự và Luật Thương mại.

Tuy nhiên, tại Điều 4 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 thể hiện "*Bên B cam kết cung cấp cho bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng"*. Như vậy, việc nguyên đơn không cung cấp hàng hóa đúng thời gian thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đã giao kết. Đồng thời, nguyên đơn cho rằng chấm dứt hợp đồng trong trường hợp này là sự kiện bất khả kháng là không phù hợp. Bởi vì, nguyên đơn có hàng và đã giao hàng đợt 1 xong, khi đến hạn hợp đồng thì nguyên đơn không có hàng để giao cho bị đơn đúng thời gian, số lượng hàng hóa theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán giữa các bên là thuộc về năng lực của nguyên đơn, nguyên đơn đã vi phạm những điều khoản cam kết trong hợp đồng mua bán.

Hơn nữa, theo quy định tại khoản 23 Điều 131 Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thì "*Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với nhà thầu đó; nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng*". Với quy định này, Sở Giao thông vận tải tỉnh V đã có Báo cáo số 452/BC-SGTVT ngày 20/8/2024 gửi đến Sở Tài chính tỉnh V xem xét trình và được Ủy ban nhân dân tỉnh C1 về chấm dứt hợp đồng. Sở Giao thông vận tải tỉnh V ban hành Quyết định số 508/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2024 về việc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm, không còn năng lực cung cấp hàng hóa để tiếp tục thực hiện hợp đồng gói thầu mua sắm hàng hóa số 03, mua sắm nguyên vật liệu phục vụ in giấy phép lái xe. Đồng thời, Sở Giao thông vận tải tỉnh V đăng quyết định này lên mạng đấu thầu quốc gia. Việc chấm dứt hợp đồng và đăng tải thông tin lên cổng thông tin đấu thầu quốc gia là hoàn toàn đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 23 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày

27/2/2024 của Chính phủ: "*Trường hợp phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm hợp đồng để thay thế nhà thầu mới, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm hợp đồng, chủ đầu tư phải đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm hợp đồng, thông tin nhà thầu thay thế trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia"*.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu buộc Sở Xây dựng tỉnh V (trước đây là Sở Giao thông vận tải tỉnh V) phải đính chính thông tin trên báo đấu thầu và trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB với Công ty do nguyên nhân khách quan, không liên quan đến năng lực của nhà thầu là không có căn cứ.

[2.2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 269.454.000 đồng bị đánh rớt 02 gói thầu:

Như đã nhận định, việc Sở Giao thông vận tải tỉnh V ban hành Quyết định số 508/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2024 về việc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm, không còn năng lực cung cấp hàng hóa để tiếp tục thực hiện hợp đồng gói thầu mua sắm hàng hóa số 03, mua sắm nguyên vật liệu phục vụ in giấy phép lái xe và đăng quyết định này lên mạng đấu thầu quốc gia là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật. Hơn nữa, căn cứ báo cáo đánh giá gói mua sắm hàng hóa phục vụ phòng họp Hội trường Ngọc L tại điểm b mục 3 đoạn 2 có nội dung nhà thầu được coi là *"có hành vi gian lận"* vi phạm tại điểm b Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu… Đồng thời, theo báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu Huyện ủy tại điểm b mục 2 *"giá trị bảo lãnh dự thầu của E-HSDT không đáp ứng"*. Từ đó, nhận thấy việc 02 gói thầu bị đánh rớt không liên quan đến trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải tỉnh V. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH MTV M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2025); Điều 430, 584 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 34 và Điều 37 Luật Thương mại 2005; Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2023; Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; khoản 3 Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đối với Sở Xây dựng tỉnh V về việc:

Buộc Sở Xây dựng tỉnh V (trước đây là Sở Giao thông vận tải tỉnh V) phải đính chính thông tin trên B và trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia đối với Quyết định số 508/2024/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2024 về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M và Sở Giao thông vận tải tỉnh V.

Buộc Sở Xây dựng tỉnh V (trước đây là Sở Giao thông vận tải tỉnh V) hoàn trả lại những chi phí bồi thường liên quan đến hợp đồng là 2.850.000 đồng.

Buộc Sở Xây dựng tỉnh V (trước đây là Sở Giao thông vận tải tỉnh V) bồi thường thiệt hại bị đánh rớt 02 gói thầu do Quyết định số 508/2024/QĐ-SGTVT về việc chấm dứt Hợp đồng số 23/2024/HĐMB ngày 05/7/2024 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M và Sở Giao thông vận tải tỉnh V là 269.454.000 đồng.

[2] Đình chỉ đối với yêu cầu buộc Sở Xây dựng tỉnh V (trước đây là Sở Giao thông vận tải tỉnh V) phải trả số tiền 18.152.000 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải chịu 13.915.000 (Mười ba triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.754.000 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn) đồng theo lai thu số 0007576 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Vĩnh Long). Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M còn phải tiếp tục nộp số tiền 9.161.000 (Chín triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003735 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 1 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT, TT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lương